

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 26-9-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Phú Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Lệ H, sinh năm 1979; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Ấp LT, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nơi tạm trú hiện nay: Ấp GT, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, “có mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp LT, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa- nguyên đơn chị Trần Thị Lệ H trình bày:

Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH. Sau khi kết hôn, vợ chồng cất nhà ở riêng trên đất của cha mẹ chồng cho. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T

thường xuyên uống rượu và đánh đập chị. Vợ chồng đã sống ly thân 02 năm nay. Từ khi ly thân, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc.

Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 08/8/1998 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 01-5-2006. Hiện cháu C đang học tại Thành phố Hồ Chí Minh, còn cháu N đang sống với chị.

Về T sản chung: Vợ chồng được 02 bên gia đình cho 02 phần đất diện tích bao nhiêu không nhớ.

Về nợ chung: Nợ bà Phan Thị M (mẹ ruột chị) số tiền 60.000.000 đồng; nợ Ngân hàng A – chi nhánh huyện TB, phòng giao dịch LH số tiền 40.000.000 đồng; nợ tiền diêm tro bà B số tiền 40.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: Chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Ngọc C đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. T sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của vợ anh là đúng về thời gian kết hôn, con chung, tài sản là đúng. Ngoài số nợ, chị H trình bày, vợ chồng còn nợ tiền diêm bà T1 20.000.000 đồng. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị H có mối quan hệ bạn bè không rõ nên dẫn đến vợ chồng gây gổ nhau. Chị H tự ý dọn đồ về nhà cha mẹ ruột sống. Vợ chồng ly thân 02 năm nay.

Nay anh yêu cầu đoàn tụ vì còn thương vợ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì về con chung theo nguyện vọng của con. Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Anh nhận trách nhiệm trả nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Lệ H đối với anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Giao chị H tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 01-5-2006. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị H và anh T tài tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh T thường xuyên rượu chè. Ngoài ra anh T còn thường xuyên đánh đập chị H. Chị H đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Qua xác minh chính quyền địa phương cho thấy anh T thường xuyên uống rượu và đánh đập chị H mặc dù chị H có báo chính quyền địa phương nhưng anh T vẫn không thay đổi. Do đó, chị H đã về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2016 đến nay. Nay chị H vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh T yêu cầu được đoàn tụ vì còn thương vợ. Xét yêu cầu xin đoàn tụ của anh T thấy rằng, trong cuộc sống vợ chồng anh T nghi ngờ chị H có mối quan hệ bạn bè không rõ ràng dẫn đến anh có hành động đánh đập chị H nhiều lần. Ngoài ra, anh không đến tham gia hòa giải thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Do đó, yêu cầu xin đoàn tụ của anh T là không có cơ sở chấp nhận. Xét tình trạng vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 08-8-1998 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 01-5-2006. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con. Qua hỏi ý kiến của cháu N có nguyện vọng theo sống với chị H. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng Nguyễn N C, sinh ngày 08-8-1998 đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Đối với nợ bà Phan Thị Mang; nợ Ngân hàng A– chi nhánh huyện TB, phòng giao dịch LH; nợ tiền diêm tro bà B; nợ tiền diêm tro bà T1. Qua làm việc không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Lệ H đối với anh Nguyễn Hữu T.

Chị Trần Thị Lệ H được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 01-5-2006 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Riêng Nguyễn Ngọc C, đã trưởng thành không đặt ra giải quyết

Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009825 ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã Lộc Hưng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm